

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 22 tháng 8 năm 2023
V/v: “Chia tài sản chung vợ chồng
trong thời kỳ hôn nhân”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Hữu Minh
2. Ông Hoàng Tuấn Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2023/TLPT- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc kiện “Chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/HNGĐ- ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số nhà 69, đường NC, khu phố NX, phường NX, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

Bị đơn: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số nhà 69, đường NC, khu phố NX 4, phường NX, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Bà N ủy quyền cho anh Nguyễn Quý T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu Ninh Xá 1, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Quý T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu NX1, phường NX, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

2. Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà 69, đường NC, khu phố NX 4, phường NX, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

3. Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1991; Địa chỉ: Đường NGT, phường NX, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

(Anh V, chị N ủy quyền cho anh Nguyễn Quý T).

Người kháng cáo: Bà Đỗ Thị N

Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

** Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:* Ông kết hôn với bà Đỗ Thị N năm 1983, đến nay có 03 con chung là anh Nguyễn Quý T sinh năm 1983, anh Nguyễn Đức V sinh năm 1984 và chị Nguyễn Thị Kim N sinh năm 1991.

Tài sản chung: Trong quá trình hôn nhân vợ chồng ông có tạo dựng nên khối tài sản là thửa đất số 476, tờ bản đồ số 08, diện tích 210,42m² tại số 69 đường Nguyễn Cao, khu phố Ninh Xá 4, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (*viết tắt là thửa đất số 476*), trên đất có ngôi nhà 4 tầng tổng diện tích là 724m².

Nguồn gốc tài sản: Năm 2000, ông mua đất và nhà xây thô của Công ty phát triển nhà Hà Nội với giá 835.000.000đ (đã thanh toán xong), sau đó ông bỏ tiền hoàn thiện nhà. Tại thời điểm đó các con chung đang đi học nên không đóng góp gì.

Nay ông yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng theo công sức đóng góp: Ông được hưởng 60% vì ông có công sức đóng góp nhiều, còn bà N được hưởng 40%.

** Bị đơn là bà Đỗ Thị N trình bày:* Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn H năm 1983, đến nay đã có 03 con chung như ông H trình bày là đúng.

Tài sản chung: Trong quá trình hôn nhân vợ chồng bà có tạo dựng nên khối tài sản là thửa đất số 476, trên đất có ngôi nhà 4 tầng tổng diện tích là 724m².

Cụ thể: Năm 2000 vợ chồng mua của Công ty phát triển nhà Hà Nội với giá 835.000.000đ (đã thanh toán xong), tiền mua là do vợ chồng tích lũy mà có không phải vay mượn ai. Ngôi nhà 4 tầng là do vợ chồng hoàn thiện, các con không có đóng góp về vật chất mà chỉ có đóng góp bằng công sức phụ giúp vợ chồng bà khi hoàn thiện.

Nay bà yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là nhà đất nêu trên thành 3 phần bằng nhau, mỗi vợ chồng một phần và các con chung một phần.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Quý T, anh Nguyễn Đức V và chị Nguyễn Thị Kim N đều có bản tự khai là khối tài sản trên của ông H và N là tài sản hộ gia đình. Tòa án chia cho các anh chị được hưởng theo quy định pháp luật, phần tài sản anh chị được hưởng sẽ giao cho bà Đỗ Thị N, ngoài ra các anh chị không có ý kiến gì khác.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh đã căn cứ các điều 143, 144, 145, 147, 227, 228, 235, 266 và 267 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 33 và 38 Luật hôn nhân gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc chia tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Xác định thửa đất số 476, tờ bản đồ số 8, diện tích 210,4m² trên đất có ngôi nhà 4 tầng diện tích sàn là 724m² tại số nhà 69, đường Nguyễn Cao, khu phố Ninh Xá 4, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là của vợ chồng ông Nguyễn Văn H bà Đỗ Thị N.

Giao cho ông Nguyễn Văn H sở hữu 105,2m² đất trên đất có nhà 4 tầng có tứ cận (hướng Đông Bắc giáp đường Nguyễn Cao từ điểm A đến điểm số 2, 3, 4, 5) (phía Đông Bắc giáp thửa số 475, phía Đông Nam giáp thửa số 478 từ điểm số 6 đến điểm số 7, điểm D) (phía Nam giáp phần đất giao cho bà Đỗ Thị N từ điểm D đến điểm C, điểm B về điểm A (có sơ đồ kèm theo).

Giao cho bà Đỗ Thị N sở hữu 105,2m² đất trên đất có nhà 4 tầng có tứ cận như sau (hướng Tây giáp đường Huyền Quang từ điểm số 8, 9, 10, 1 đến điểm A) (hướng Đông Bắc giáp phần đất giao cho ông Nguyễn Văn H từ điểm A đến điểm B, C, D,) (phía Đông Nam giáp thửa số 478 từ điểm D đến điểm số 8 (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh kháng nghị: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 16/2023/HNGĐ-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh.

Ngày 17/4/2023, bà Đỗ Thị N kháng cáo đề nghị chia tài sản chung là nhà và đất tại số 69 Nguyễn Cao, khu Ninh Xá 4, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh làm 3 phần cho: Ông H, bà N, các con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Viện kiểm sát rút một phần quyết định kháng nghị; người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thu nộp, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị N.
- Chấp nhận một phần nội dung của kháng nghị.
- Sửa Bản án sơ thẩm: Tuyên ông H, bà N mỗi người được quyền quản lý, sử dụng diện tích 105,2m² đất của thửa đất số 476, tờ bản đồ số 8 và một phần ngôi nhà 4 tầng. Tuyên về nội dung các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước để làm thủ tục đăng ký biến động; quyền và nghĩa vụ thi hành án. Sửa chia tài sản chung vợ chồng theo kết quả thẩm định giá.

Bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Thủ tục tố tụng:

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh, đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị N được nộp trong hạn luật định, có nội dung phù hợp và đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng là kháng cáo, kháng nghị hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nội dung vụ án:

Ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị N kết hôn năm 1983, trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng tạo dựng được khối tài sản chung là thửa đất số 476, trên đất có ngôi nhà 4 tầng tổng diện tích là 724m². Ngoài ra không có tài sản nào khác.

Nguồn gốc tài sản: Ông H, bà N đều xác nhận là do vợ chồng mua, các con chung không đóng góp tiền vào khối tài sản chung vợ chồng. Do đó, xác nhận thửa đất số 476, trên đất có ngôi nhà 4 tầng tổng diện tích 724m² là tài sản chung của vợ chồng ông H bà N. Vì vậy, chứng cứ này không phải chứng minh.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh thì thấy:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh rút kháng nghị đối với các nội dung:

- Bản án sơ thẩm chưa làm rõ công sức đóng góp của anh T, anh V và chị N trong việc hình thành nên thửa đất số 476.

- Không tuyên quyền kháng nghị của Viện kiểm sát.

Vì vậy, HĐXX chấp nhận việc rút một phần kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

[3.2] Bản án sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ:

Xét thấy: Năm 2000, vợ chồng mua đất của Công ty phát triển nhà Hà Nội với giá 835.000.000 đồng. Như vậy, thửa đất được vợ chồng ông H và bà N mua của công ty bằng nguồn tiền tích lũy của vợ chồng, không phải đất được cấp cho hộ gia đình nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Ninh để làm rõ thời điểm cấp giấy chứng nhận QSDĐ và nhà ở năm 2017 hộ ông Nguyễn Văn H gồm những ai là không cần thiết.

[3.3] Bản án sơ thẩm chưa giải quyết hết yêu cầu của nguyên đơn, chưa nhận định tài sản chung vợ chồng và không chia nhà trên đất:

Tại đơn khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng, ông H yêu cầu chia thửa đất số 476, diện tích 210,42m² và nhà ở xây dựng trên đất 210,4m². Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở do Văn phòng đăng ký đất đai cấp ngày 13/7/2017 và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện thửa đất trên có diện tích 210,42m². Tuy nhiên, Bản án chỉ xác định thửa đất số 476 diện tích 210,4m² trên đất có ngôi nhà 4 tầng là tài sản chung của vợ chồng ông H bà N là không xem xét hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Thấy rằng, theo giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 13/7/2017 thì thửa đất số 476, diện tích 210,42m² và có nhà ở diện tích xây dựng 210,4m². Tại Biên bản xem xét thẩm định có đối tượng xem xét là thửa đất số 476, diện tích 210,42m² và tài sản trên đất có mô tả tứ cận thửa đất và ngôi nhà 4 tầng. Theo kết quả đo đạc hiện trạng thì thửa đất 476 có diện tích là 210,4m² nên Bản án xác định thửa đất 476 tờ bản đồ 08 diện tích 210,4m² trên đất có ngôi nhà 4 tầng là có căn cứ. Kháng nghị xác định không xem xét hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đúng.

Bản án sơ thẩm tuy không nhận định là tài sản chung vợ chồng nH trong phần quyết định của bản án đã xác định là tài sản chung vợ chồng và đã chia đôi khối tài sản chung của ông H bà N nên kháng nghị cho rằng chưa nhận định tài sản chung vợ chồng và chưa giải quyết hết yêu cầu của nguyên đơn là chưa phù hợp.

Cấp sơ thẩm chỉ có lỗi trong việc không mô tả và tính giá trị tài sản trên từng phần đất đã chia cho các đương sự. Tại cấp phúc thẩm, tòa án đã tiến hành thẩm định và định giá lại tài sản tranh chấp. Xét thấy, việc chia đất và tài sản trên đất như bản án sơ thẩm là đúng với thiết kế xây thô ban đầu. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh.

[3.4] Bản án không tuyên các đương sự liên hệ với cơ quan nhà nước để đăng ký biến động QSDĐ:

Nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát là có căn cứ nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc tuyên án để đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

[4] Xét kháng cáo của bà Đỗ Thị N về việc chia tài sản chung vợ chồng làm ba phần cho mỗi vợ chồng một phần và các con chung một phần thì thấy:

Tại thời điểm năm 2000, khi ông H bà N mua nhà đất và hoàn thiện nhà thì các con của ông H bà N chưa trưởng thành: cháu lớn nhất là 17 tuổi còn cháu nhỏ nhất là 9 tuổi, độ tuổi đó của các con ông H bà N đang đi học nên không có công sức đóng góp vào khối tài sản trên của vợ chồng.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm anh T, anh V, chị N đều trình bày khối tài sản trên là của ông H bà N đứng tên hộ gia đình. Sau khi xét xử sơ thẩm các anh chị cũng không kháng cáo đối với việc chia đôi tài sản hộ gia đình cho ông H bà N.

Ông H trình bày các con không có công sức đóng góp gì vì thời điểm đó còn đi học, bà N thì trình bày các con không có đóng góp về vật chất mà chỉ có đóng góp bằng công sức phụ giúp vợ chồng khi hoàn thiện nhà. Anh T, anh V và chị N trình bày tài sản là của hộ gia đình. NH anh T, anh V và chị N đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho công sức đóng góp vào tài sản chung là thửa đất số 476 và ngôi nhà 4 tầng trên thửa đất. Bà N xác định nhà đất là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân NH lại đề nghị chia làm 3 phần trong đó ông H một phần, bà một phần và các con một phần NH căn cứ để chia làm 3 phần thì bà N không đưa ra được.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh cũng rút kháng nghị đối với nội dung này. Vì vậy, không có căn cứ để tính công sức đóng góp của anh T, anh V và chị N vào khối tài sản chung của ông H, bà N. Do đó, kháng cáo của bà N yêu cầu chia cho các con chung được hưởng 1/3 giá trị tài sản chung vợ chồng không được chấp nhận.

[5] Án phí: Tại cấp phúc thẩm bà Đỗ Thị N có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Xét thấy, bà N đã 60 tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí nên HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đỗ Thị N.

Do sửa án sơ thẩm nên bà Đỗ Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh, không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị N; sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266 và 267 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 33 và 38 Luật hôn nhân gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

2. Xác định thửa đất số 476, tờ bản đồ số 8, diện tích 210,42m² trên đất có ngôi nhà 4 tầng diện tích sàn là 724m² tại số 69 đường Nguyễn Cao, khu phố Ninh Xá 4, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị N.

Giao cho ông Nguyễn Văn H sử dụng 105,21m² đất được nối bởi các điểm D-C-B-A-2-3-4-5-6-7-D và sở hữu tài sản có trên đất là ½ ngôi nhà 4 tầng diện tích sàn 362m²; đất và nhà thuộc thửa đất số 476, tờ bản đồ số 8, diện tích 210,42m² tại số 69 đường Nguyễn Cao, khu phố Ninh Xá 4, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Tổng giá trị tài sản là 16.214.407.000đ (*Mười sáu tỷ hai trăm mười bốn triệu bốn trăm linh bảy nghìn đồng*).

Giao cho bà Đỗ Thị N sử dụng 105,21m² đất được nối bởi các điểm D-C-B-A-1-10-9-8-D và sở hữu tài sản có trên đất là ½ ngôi nhà 4 tầng diện tích sàn 362m²; đất và nhà thuộc thửa đất số 476, tờ bản đồ số 8, diện tích 210,42m² tại số 69 đường Nguyễn Cao, khu phố Ninh Xá 4, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Tổng giá trị tài sản là 16.214.407.000đ (*Mười sáu tỷ hai trăm mười bốn triệu bốn trăm linh bảy nghìn đồng*). (có sơ đồ kèm theo bản án).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo bản án.

3. Án phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đỗ Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Lệ phí: Ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản. Xác nhận ông Nguyễn Văn H đã nộp đủ 20.000.000đ ngày 13/10/2022 và 10.000.000đ ngày 24/7/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tp Bắc Ninh;
- Chi cục THADS tp Bắc Ninh;
- Các đương sự

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai